



**TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP
- CÔNG TY TNHH MTV**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO KỶ TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/03/2015
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC

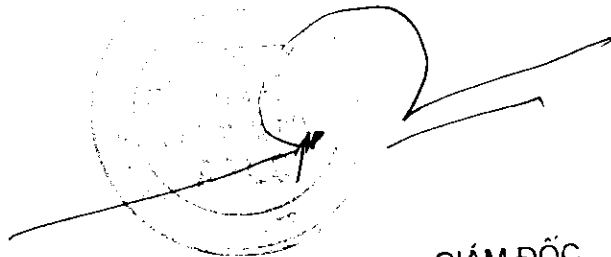
Trụ sở chính: Số 10A Ngõ 129/2 Đường Giải Phóng - P. Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (04) 3 634 1346 - 2 213 7244 Fax: (04) 3 634 1346

SẠO Y BẢN CHÍN
Lô Hạng Ông - Lô 6

**TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP
- CÔNG TY TNHH MTV**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO KỶ TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/03/2015
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

A circular stamp with a double-line border is partially obscured by a large, bold handwritten signature in black ink. The signature consists of several sweeping strokes, including a large loop and a long horizontal line extending to the right.

GIÁM ĐỐC
Đỗ Ngọc Hòa

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 – 5
Báo cáo Kiểm toán	6 - 7
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	8 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2015.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV là Doanh nghiệp Nhà Nước được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên theo Quyết định số 1527/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV tổ chức và hoạt động theo hình thức Tổng công ty mẹ - Tổng công ty con. Tổng công ty mẹ Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0100104468 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại: Số 164 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 320.000.000.000 đồng.

(Ba trăm hai mươi tỷ đồng)

Vốn pháp định: 6.000.000.000

(Sáu tỷ đồng)

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm);
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Sản xuất phân bón và chất ni tơ;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Sản xuất, mua bán thiết bị văn phòng, đồ dùng cá nhân, gia đình, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ khách du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, cửa hàng;

- Kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Đại lý ô tô và các xe có động cơ khác;
- Bán buôn ô tô và các xe có động cơ khác;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Dịch vụ đấu giá bất động sản (Không bao gồm định giá đất);
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Chuẩn bị mặt bằng
- Phá dỡ các công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (Máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (Trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
- Lập dự án, quản lý dự án các công trình: Giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán cà phê, chè;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng công ty sản xuất và kinh doanh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 8 đến trang 33 kèm theo

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2015.

BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY

Các thành viên của Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập Báo cáo gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Điệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trường Thắng	Thành viên
Ông Đỗ Anh Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập Báo cáo gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Đào Thị Kim Thúy	Kiểm soát viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập Báo cáo gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Trường Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2015 của Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP – CÔNG TY TNHH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm Hà Nội

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày 31/03/2015 trên Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc



Nguyễn Trường Thăng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2015



C.TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC

Trụ sở chính: Số 10A - Ngõ 1295/2 - Đường Giải Phóng - P.Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: (04) 3 634 1346 - 2 213 7244 * Fax: (04) 3 634 1346 * Email: Audit_da@yahoo.com.vn

Số : 21704/2015/BCKT/APEC

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2015
của Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV

Kính gửi: Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC, đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV được lập ngày 08/04/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2015 được trình bày từ trang 8 đến trang 33 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc đã thiết lập là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

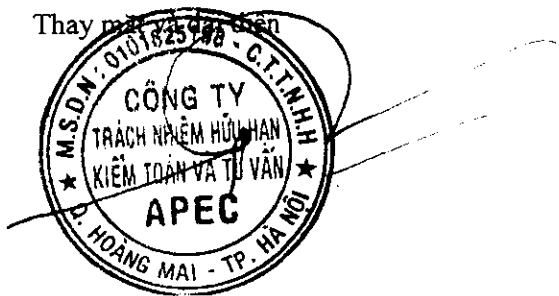
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV tại ngày 31/03/2015, cũng như kết quả kinh doanh và luồng tiền lưu chuyển cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC

Thay mặt và đại diện



Đỗ Ngọc Hóa

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0595-2013-095-1

Phan Thanh Tú

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1225-2013-095-1

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ
1	2	3	4	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		260.260.316.708	267.303.939.069
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		63.251.939.031	2.264.287.287
1. Tiền	111	V.01	63.251.939.031	2.264.287.287
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.02	183.478.366.428	233.227.739.104
1. Phải thu khách hàng	131		92.714.360.197	86.783.179.446
2. Trả trước cho người bán	132		71.327.566.320	86.522.378.987
3. Phải thu nội bộ	133		-	10.362.422.413
4. Các khoản phải thu khác	138		19.436.439.911	49.559.758.258
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	8.938.170.223	26.512.972.647
1. Hàng tồn kho	141		8.938.170.223	26.512.972.647
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	4.591.841.026	5.298.940.031
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.108.240.655	4.590.289.722
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		331.938.681	431.238.799
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		151.661.690	277.411.510
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		152.684.362.462	153.676.389.125
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	64.599.000
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	64.599.000
II. Tài sản cố định	220		57.002.966.232	60.555.502.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	46.217.979.823	47.139.297.954
- Nguyên giá	222		83.335.271.613	85.767.853.040
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.117.291.790)	(38.628.555.086)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	694.441	19.261.902
- Nguyên giá	228		37.000.000	37.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(36.305.559)	(17.738.098)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	10.784.291.968	13.396.942.760
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	91.482.426.501	91.482.426.501
1. Đầu tư vào công ty con	251		18.957.661.248	18.957.661.248
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		72.524.765.253	72.524.765.253
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.09	4.198.969.729	1.573.861.008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.625.108.721	-
1. Tài sản dài hạn khác	268		1.573.861.008	1.573.861.008
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		412.944.679.170	420.980.328.194

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		246.340.377.701	194.372.332.634
I. Nợ ngắn hạn	310		245.180.412.927	192.432.367.860
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	37.867.021.568	49.050.531.011
2. Phải trả người bán	312	V.11	13.115.499.120	5.806.738.728
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	46.131.584.696	48.060.026.990
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	12.286.987.170	12.707.972.535
5. Phải trả công nhân viên	315		5.093.581.773	4.705.391.830
6. Chi phí phải trả	316	V.14	10.798.519.565	10.833.872.997
7. Phải trả nội bộ	317		-	10.427.021.413
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	119.690.572.153	50.410.465.474
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		196.646.882	430.346.882
II. Nợ dài hạn			1.159.964.774	1.939.964.774
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.16	1.159.964.774	1.939.964.774
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.604.301.469	226.607.995.559
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	166.604.301.469	226.607.995.559
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.756.377.109	186.756.377.109
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		32.181.947.364	32.181.947.364
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.585.281.068	5.585.281.068
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(57.919.304.072)	2.084.390.018
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		412.944.679.170	420.980.328.194

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

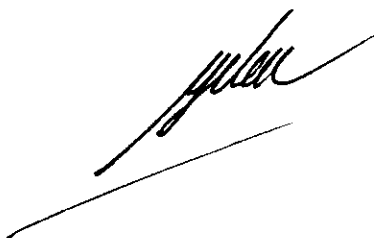
CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Ngoại tệ các loại: - USD - EUR		

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ngọc Anh

Nguyễn Trường Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

31/03/2015

Đơn vị tính: đồng


CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ
1	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	52.820.344.776	109.548.645.734
2. Các khoản giảm trừ	VI.19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	VI.20	52.820.344.776	109.548.645.734
4. Giá vốn hàng bán	VI.21	54.803.823.899	88.669.523.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		(1.983.479.123)	20.879.121.958
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.22	129.593.831	6.177.299.228
7. Chi phí tài chính	VI.23	33.763.697.462	2.520.020.884
- Trong đó: Chi phí lãi vay		756.115.103	542.010.898
8. Chi phí bán hàng	VI.24	24.742.589.251	17.776.668.491
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.25	4.516.571.465	5.748.195.478
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(64.876.743.470)	1.011.536.333
11 Thu nhập khác	VI.26	14.408.983.107	1.745.175.822
12 Chi phí khác	VI.27	9.535.933.727	625.224.589
13 Lợi nhuận khác		4.873.049.380	1.119.951.233
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(60.003.694.090)	2.131.487.566
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.28	-	11.065.257
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(60.003.694.090)	2.120.422.309


Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Triu


Nguyễn Ngọc Anh



Nguyễn Trường Thăng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

31/03/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ
1	2	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		60.996.455.243	1.579.028.233
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(31.720.308.471)	(8.322.539.519)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.239.369.252)	1.704.059.262
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(873.504.761)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		50.568.222.175	140.973.880
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.514.200.112)	(5.304.426.785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		72.217.294.822	(10.202.904.929)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII.27	(39.990.569)	(32.760.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			(11.000.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			8.456.433.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.409.101	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.581.468)	8.412.673.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39.586.476.768	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(50.784.538.378)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.198.061.610)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		60.987.651.744	(1.790.231.929)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.264.287.287	4.054.519.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		63.251.939.031	2.264.287.287

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trìu

Nguyễn Ngọc Anh

Nguyễn Trường Thăng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

31/03/2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng công ty Vật tư nông nghiệp (gọi tắt là "Tổng công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định phê duyệt đề án chuyển Tổng công ty Vật tư nông nghiệp sang tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con và chuyển Công ty mẹ Tổng công ty Vật tư nông nghiệp thành công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 1527/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 07/6/2010. Tổng công ty Vật tư nông nghiệp - Tổng công ty TNHH một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0100104468 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Vốn điều lệ : 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng)

Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

Trụ sở chính: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tổng công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Văn phòng Tổng công ty;
- Chi nhánh tại Hà Nội - Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và PT nguồn nhân lực Vigecam;
- Chi nhánh Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Tổng công ty tại Hải Phòng.

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Sản xuất phân bón và chất nitơ;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Sản xuất, mua bán thiết bị văn phòng, đồ dùng cá nhân, gia đình, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ khách du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, cửa hàng;
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hoá trong kho ngoại quan;
- Đại lý ô tô và các xe có động cơ khác;
- Bán buôn ô tô và các xe có động cơ khác;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Dịch vụ đấu giá bất động sản (Không bao gồm định giá đất);
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình: giao thông, dân dụng và công nghiệp, thuỷ lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị;

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ các công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
- Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, điện (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thuỷ sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán cà phê, chè;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng công ty sản xuất và kinh doanh./.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12/ năm dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Tổng công ty vật tư nông nghiệp áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán.

2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Tổng công ty vật tư nông nghiệp, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Tổng công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

1.2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

- + Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế Ngân hàng giao dịch tại ngày lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

- * Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
 - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
 - Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
 - Chi phí bán hàng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- 2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

2.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009).

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Tổng công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 8 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm

báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

4.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

4.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009).

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Tổng công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- * Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- * Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
 - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn:

- 7.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 7.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

8. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Năm 2013 Tổng công ty chưa phân phối lợi nhuận, chỉ phân phối lợi nhuận của năm 2012 theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2010/TT-BTC ngày 17/9/2010 của Bộ Tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

9.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

9.2 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

12. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

- Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- * Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

13.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

* Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

14.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- * Thuế giá trị gia tăng: Tổng công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Hồ Chí Minh. Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định. Khi kết thúc năm tài có lập các Báo cáo thuế Giá trị gia tăng theo qui định hiện hành.
- * Thuế thu nhập doanh nghiệp: Tổng công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền mặt	1.082.756.511	914.365.493
Văn phòng Tổng công ty	1.073.631.361	901.338.065
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	630.228	254.978
Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	5.895.665	11.102.987
Chi nhánh tại Tp Hải Phòng	2.599.257	1.669.463
- Tiền gửi Ngân hàng	62.169.182.520	1.349.921.794
+ Văn phòng Tổng công ty	61.794.016.007	1.270.787.288
Tiền Việt Nam đồng	61.794.016.007	1.218.685.068
Tiền gửi ngoại tệ		52.102.220
+ Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	17.373.204	13.056.964
Tiền Việt Nam đồng	17.373.204	13.056.964
+ Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	8.379.372	58.995.079
+ Chi nhánh tại Tp Hải Phòng	349.413.937	7.082.463
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	63.251.939.031	2.264.287.287
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
2.1 Phải thu từ khách hàng	92.714.360.197	86.783.179.446
Văn phòng Tổng công ty	60.636.396.781	52.353.216.030
AZIZ KOUCHAI LTD	2.905.506	2.905.506
Công ty Bảo Việt Đông đô		23.662.586
Công ty CP ĐT&TM An Thái Dương	1.141.175.000	
Công ty CP phân bón và hóa chất VINA	10.143.774.860	6.474.271.069
Công ty CP sản xuất và thương mại Nam Việt	7.629.445.322	6.946.477.360
Công ty CP Tập Đoàn Quốc tế Năm Sao	2.070.759.227	2.070.759.227
Công ty CP vật tư NN Vàm Cỏ Đông	50.215.569	50.215.569
Công ty CP đầu tư NN Hà nội		36.270.035

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

Công ty CP đầu tư XD & TM Tín Phát	636.010.052	635.169.201
Công ty cổ phần An Thái	494.000.000	494.000.000
Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản VIG	1.747.748.210	1.816.673.789
Công ty TNHH Bắc Hải	5.375.000.000	5.375.000.000
Công ty TNHH MTV XNK Thiên Long Phát	9.000.000.000	7.015.691.673
Công ty TNHH TM & Dịch vụ du lịch Linh Hải	16.046.285.463	16.046.285.463
Công ty TNHH TM&DV Đỗ Cường	242.458.000	
Công ty TNHH Đức Thiện	192.624.941	131.809.641
HABIB SHARIF LTD	3.887.453	3.887.453
Nguyễn Việt Dũng	231.434.458	231.434.458
SARDAR QAYUM Ltd		761.577.136
Nguyễn Thế Bằng		15.215.667
SHOAIB NASIR Ltd.,	3.452.712	3.452.712
Wahid Samim Ltd		62.484
Công ty cổ phần D&A Việt Nam	70.000.000	120.000.000
Modasir Bahar Ltd		760.799.970
Abdullah Faiz Ltd		14.872
Công ty CP Phân bón Mùa Vàng	1.455.643.000	647.386.925
Công ty CP SX&TM Thuận Phong	3.621.736.250	731.920.000
Adel Elyas Co., Ltd		7.750
Lê Ngọc Ban		251.500.000
Fahim Bahar Ltd	1.707.842	
Dubai Tea Company	7.898.397	
Obaid Hassan Ltd	468.234.519	
Zahir Amin Co., Ltd		1.706.765.484
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	32.077.963.416	34.429.963.416
Công ty TNHH DV Vận Tải Thần Tốc Việt	16.360.802.319	18.712.802.319
Cty TNHH MTV thương mại dịch vụ Việt Tín	513.205.510	513.205.510
Công ty TNHH MTV XNK Thiên Long Phát	13.962.310.758	13.962.310.758
Cty TNHH Hoàng Bách	1.000.496.799	1.000.496.799
Chi nhánh nhà máy phân bón năm sao	239.388.000	239.388.000
Chi nhánh Công ty TNHH JEPSEN & JEPSEN Việt Nam	1.760.030	1.760.030
Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	-	-
Chi nhánh tại Tp Hải Phòng	-	-
2.2 Trả trước cho người bán	71.327.566.320	86.522.378.987
Văn phòng Tổng công ty	17.775.394.974	22.296.135.185
C.ty CP ĐT&TM An Thái Dương	3.157.200.000	3.157.200.000
C.ty CPKT Cơ giới XD Thăng Long	250.000.000	
Công ty CP phát triển CME Việt Nam	30.360.000	30.360.000
Văn phòng Luật sư Đào Ngọc Lý		35.000.000
Công ty TNHH kiểm toán và kế toán hà nội		200.000.000

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

Công ty CPKT cơ giới XD Thăng Long		250.000.000
Công ty CP trà Than Uyên	1.041.163.200	
Công ty TNHH TM&DV Đỗ Cường	1.847.300.000	1.847.300.000
Công ty TNHH Đức Thiện	3.190.550.185	3.240.550.185
Công ty TNHH Chè Thành Vinh	1.748.670.000	300.000.000
Công ty TNHH Thương mại và công nghệ TITAN	6.504.151.589	13.144.320.000
Văn phòng luật sư HaVip		65.000.000
CTCP phần mềm quản lý doanh nghiệp	6.000.000	6.000.000
Công ty TNHH Đại Lộc		20.405.000
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	53.552.171.346	64.226.243.802
Công ty CP đầu tư và thương mại & XD Ngọc Linh		
Công ty CP Thiết kế Kiến trúc và xây dựng Uni	133.650.000	133.650.000
Công ty Hoàng Nga	806.047.000	6.600.000.000
SUMA SANGYO CO. LTD	520.767.892	520.767.892
Công ty LAU INTERNATIONALMARKETING	43.205.874.594	48.085.694.050
Công ty TNHH Đại Việt		300.000
Công ty TNHH DV Vận Tải Thần Tốc Việt	5.831.140.000	5.831.140.000
Công ty TNHH Kiến trúc và xây dựng Toàn Cầu	55.000.000	55.000.000
Trung tâm xúc tiến TMNN	179.691.860	179.691.860
Công ty CP Thực Phẩm Nhiệt Đới	2.650.000.000	2.650.000.000
Công ty TNHH XDTM Huy Hoàng	170.000.000	170.000.000
Công ty CP ĐTTM&XD Ngọc Linh		
<i>Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh</i>	-	-
<i>Chi nhánh tại Tp Hải Phòng</i>	-	-
2.3 Phải thu khác	19.436.439.911	49.559.758.258
<i>Văn phòng Tổng công ty</i>	<i>18.498.267.723</i>	<i>48.802.374.092</i>
Tài sản thiếu chờ xử lý		30.189.356.438
Phải thu chi phí cổ phần hóa 2014	20.000.000	16.000.000
Ban Quản Lý Dự án khu vui chơi giải trí Đống Đa	930.000.000	930.000.000
Toàn án ND quận Hai Bà Trưng		57.785.000
Chi cục thi hành án dân sự - Quận 1	58.584.593	58.584.593
Công ty CP đầu tư XD & TM Tín Phát	129.102.642	129.102.642
Công ty CPĐTTM An Thái Dương		72.462.800
Ngân Hàng Việt Hoa	5.922.023.299	5.922.023.299
Công ty cp Vật tư Nông sản	11.427.059.320	11.427.059.320
Nguyễn Hữu Điệp	11.497.869	
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	919.882.375	737.442.102
Lê Minh Thắng	87.235.898	737.442.102
Công ty TNHH MTV XNK Thiên Long Phát	648.000.000	
Thuế thu nhập cá nhân	2.206.204	
Văn phòng luật sư HaVip	64.599.000	
Công ty CP ĐTTM&XD Ngọc Linh	117.841.273	

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

<i>Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh</i>	18.289.813	19.942.064
<i>Công ty CP Kim Thành Phát</i>	5.523.488	
<i>Công ty TNHH CTTNHH</i>	4.888.000	
<i>Công ty Vigecam</i>	7.878.325	
<i>Chi nhánh tại Tp Hải Phòng</i>	-	-
<i>- Dự phòng phải thu khó đòi (*)</i>	-	-
<i>Văn phòng Tổng công ty</i>	-	-
<i>Công ty cp vật tư NN VÀM CỎ ĐÔNG</i>		
<i>Ngân hàng Việt Hoa</i>		
<i>Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam</i>	-	-
Cộng	183.478.366.428	222.865.316.691
3. Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>Văn phòng Tổng công ty</i>	8.190.158.345	25.312.409.770
<i>- Công cụ dụng cụ</i>		
<i>- Hàng hoá</i>	8.190.158.345	25.312.409.770
<i>Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam</i>	748.011.878	1.200.562.877
<i>Hàng hóa</i>	748.011.878	1.200.562.877
<i>Chi nhánh tại Hải Phòng</i>		
<i>- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	-
<i>Văn phòng Tổng công ty</i>	-	-
<i>Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam</i>		
Cộng	8.938.170.223	26.512.972.647
4. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
4.1. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
<i>Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam</i>	-	-
4.2. Thuế GTGT được khấu trừ	4.108.240.655	4.590.289.722
<i>Văn phòng Tổng công ty</i>	3.937.472.970	4.124.601.278
<i>Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam</i>	170.767.685	465.688.444
<i>Chi nhánh tại Hải Phòng</i>	-	-
4.3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước:	331.938.681	431.238.799
<i>Văn phòng Tổng công ty</i>	285.454.599	385.432.546
<i>Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam</i>	5.980.000	5.980.000
<i>Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh</i>	40.504.082	39.826.253
4.4. Tài sản ngắn hạn khác	151.661.690	277.411.510
<i>Văn phòng Tổng công ty</i>	150.061.690	169.244.690
<i>Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam</i>	-	108.166.820
<i>Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh</i>	1.600.000	
Cộng	4.591.841.026	5.298.940.031

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	77.255.521.977	1.067.117.326	6.072.728.140	1.372.485.597	85.767.853.040
- Mua trong năm					-
- XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BDS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		-	1.615.946.254		1.615.946.254
- Giảm khác	57.085.410			759.549.763	816.635.173
Số dư cuối năm	77.198.436.567	1.067.117.326	4.456.781.886	612.935.834	83.335.271.613
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	33.270.853.843	483.468.068	3.765.616.278	1.108.616.897	38.628.555.086
- Khấu hao trong năm					-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BDS đầu tư		-	-		-
- Thanh lý, nhượng bán	924.718.463				924.718.463
- Giảm khác	74.015.431	31.427.952	18.000.000	463.101.450	586.544.833
Số dư cuối năm	32.272.119.949	452.040.116	3.747.616.278	645.515.447	37.117.291.790
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	43.984.668.134	583.649.258	2.307.111.862	263.868.700	47.139.297.954
- Tại ngày cuối năm	44.926.316.618	615.077.210	709.165.608	(32.579.613)	46.217.979.823

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	-	-	-	37.000.000	37.000.000
- Mua trong năm					-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					-
- Tăng khác	-				-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-				-
Số dư cuối năm	-	-	-	37.000.000	37.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	17.738.098	17.738.098
- Khấu hao trong năm	-			18.567.461	18.567.461
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	-	-	-	36.305.559	36.305.559
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	19.261.902	19.261.902
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	694.441	694.441

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

07. Chi phí XD/CB dở dang:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	10.784.291.968	10.920.983.130
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	-	2.475.959.630
Cộng	10.784.291.968	13.396.942.760
08. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
8.1. Đầu tư vào công ty con	18.957.661.248	18.957.661.248
Công ty CP Vật tư NN Hải Phòng	14.957.820.000	14.957.820.000
Công ty CP Đầu tư XD & TM Tín Phát	3.999.841.248	3.999.841.248
8.2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	72.524.765.253	72.524.765.253
Công ty CP VTNN II Đà Nẵng	10.372.000.000	10.372.000.000
Công ty CP XNK vật tư NN III Sài Gòn	13.152.545.253	13.152.545.253
Công ty CP XNK Vật tư NN & Nông sản	4.852.900.000	4.852.900.000
Công ty CP XNKVT nông sản và vận tải	2.486.700.000	2.486.700.000
Cổ phiếu công ty cp vật tư nông sản	13.060.620.000	13.060.620.000
CTCP phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam	28.600.000.000	28.600.000.000
8.3. Đầu tư dài hạn khác	-	-
8.4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	91.482.426.501	91.482.426.501
09. Tài sản dài hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
9.1. Chi phí trả trước dài hạn	2.625.108.721	-
Văn phòng Tổng công ty	67.048.072	
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	2.558.060.649	-
9.2. Tài sản dài hạn khác	1.573.861.008	1.573.861.008
Văn phòng Tổng công ty	1.573.861.008	1.573.861.008
Cộng	4.198.969.729	1.573.861.008
10. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay ngắn hạn	37.867.021.568	49.050.531.011
Văn phòng Tổng công ty	32.967.021.568	44.150.531.011
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	4.900.000.000	4.900.000.000
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	37.867.021.568	49.050.531.011

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

11. Phải trả người bán	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	10.401.917.857	4.097.911.465
Báo bảo vệ pháp luật	5.000.000	
Công ty HHHH Thịnh Phát HN	12.385.000	
CT TNHH TM DV Nam Thịnh Hưng	683.182.500	
Công ty cổ phần VTNN II Đà Nẵng	2.290.923	10.614.239
Công ty CP liên kết Hoàn Cầu		31.300.532
Công ty CP bán đấu giá Thái Linh	7.350.000	7.350.000
Cty CP XNK vật tư Nông nghiệp III	424.568.064	424.568.064
Công ty CP nhựa Bắc Giang		22.100.000
CTCP tiếp vận quốc tế SAFWAY	67.132.828	
Công ty CP Phát Triển Tiến Bộ	224.000.000	44.000.000
Công ty CP Quảng cáo và Du Lịch Việt Nam		18.287.500
Công ty Peter (S) GMBH	2.847.597.693	
Cty TNHH chè Hoàng Minh		65.496.420
CT TNHH chế biến chè Tân Lập	152.040.000	
Công ty CP ELS	24.868.750	
Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội	161.300.000	
Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn APEC	126.500.000	
Công ty TNHH dịch vụ Hòn Ngọc Việt	24.441.900	
Văn phòng luật sư Havip	370.000.000	
Văn phòng luật sư Đào Ngọc Lý	15.000.000	
Công ty CP đấu giá Thành An	65.181.818	
CT TNHH phát triển PNT Việt Nam	10.560.000	
Công ty luật hợp danh Anh Vũ	5.000.000	60.000.000
Công ty CP đầu tư XD & TM Tín Phát	707.107.714	543.020.441
CT TNHH SX&TM bao bì Tường Thọ	4.049.998	
Cty CP đầu tư phát triển xây lắp năng lượng	1.476.393.000	
CT TNHH XNK Linh Gia	308.000.000	
Công ty Cổ Phần Vinaconex 6	2.310.684.920	2.310.684.920
Công ty TNHH Techconvina Thương Vận		91.827.450
Công ty TNHH vận tải và TM Thái Hoàng Lâm		30.690.000
Công ty CP giao nhận vận tải Ngoại Thương	21.878.325	
DN tư nhân chè Hoàng Lâm		6.958.050
Chi nhánh Bình Dương - CTCP khai thác và quản lý khu CN Đạn	20.000	5.559.425
Công ty TNHH TM&DV Miền Đông	59.990.000	140.060.000
Công ty TNHH xây dựng và phát triển đô thị	285.394.424	285.394.424
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	2.713.581.263	1.708.827.263

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

Công ty CP ĐTTM&XD Ngọc Linh	1.256.254.000	
Công ty Luật hợp danh JDC Việt nam		33.000.000
Công ty Đầu tư và Phát triển Việt nam		3.545.300
Công ty CP vận tải 1 TraCo	181.890.803	181.890.803
Công ty DAP- Vi na Chem	6.088.944	6.088.944
Công ty TNHH DT&PT TNT Việt Nam	3.545.300	
Công ty luật hợp danh JDC Việt Nam	33.000.000	
Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng số 1	75.815.580	75.815.580
Công ty TNHH KOBOTA Việt Nam	502.486.636	502.486.636
Công ty TNHH Rượu hoa quả Trung Kiên	46.000.000	46.000.000
Công ty CP D&A Việt Nam (CTCP ĐT&TM Phan Hoa)	608.500.000	860.000.000
Cộng	13.115.499.120	5.806.738.728

12. Người mua trả tiền trước	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	6.651.221.012	435.710.306
CTCP đầu tư NN Hà Nội	500.000	
Balal Faizan Ltd		14.234.820
Bilal Paiwast Ltd	371.285	371.285
CTCP cơ khí nhựa Bình Thuận	810.000	
Công ty CP truyền thông tập trung Mặt Trời Vàng		7.500.000
CT TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam	3.700.000.000	
Modasir Bahar Ltd	7.759.914	
Dubai tea Company		401.407.589
Zaher Amin Co., Ltd	2.842.541.553	
Sardar Quayum Ltd	99.238.260	
Obaid Hassan Ltd		12.148.290
Shahdil Corporation (Peshawar, Pakistan - Adil)		27.076
Trariq Shahab Ltd		21.246
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	39.480.363.684	47.624.316.684
Công ty CP Công nghiệp và Truyền thông Thành Đạt	2.360.569.500	2.360.569.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.522.000.000	5.522.000.000
Công ty TNHH tư vấn đầu tư Tuy Lý	10.769.002.955	10.769.002.955
Công ty CP Đầu tư TM XNK Thiên Long		5.793.953.000
Công ty CP Quốc tế Sơn Hà	6.197.235.200	8.197.235.200
Công ty CP Xuất Nhập khẩu Quảng Bình	1.227.669.000	1.577.669.000
Công ty TNHH Thiên Hòa An	9.700.000.000	9.700.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Phan Hoa		3.191.997.029

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

Công ty TNHH TM&DV Vi Biển	500.000.000	500.000.000
Công ty CP D&A Việt Nam (CTCP ĐT&TM Phan Hoa)	3.191.997.029	
CTCP bưu chính viễn thông NTV	11.890.000	11.890.000
Cộng	46.131.584.696	48.060.026.990
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	12.255.168.988	12.707.957.603
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	-	
Chi nhánh tại Tp Hải Phòng	31.818.182	14.932
Cộng	12.286.987.170	12.707.972.535
14. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	-	10.216.833
Công ty Vigecam	10.798.519.565	10.823.656.164
Cộng	10.798.519.565	10.833.872.997
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	119.537.690.274	50.265.833.595
Phạm Mỹ Linh	50.769.378.417	
Bộ NN và PT nông thôn - Cty TT cũ		480.000.000
Chi nhánh NH Vinh Phúc (Cty TT cũ)	7.360.913.367	7.360.913.367
Công ty PTNT- Cty TT cũ		600.000.000
Cục cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng		1.649.500.000
Dự án 76 căn hộ	957.971.408	957.971.408
Nguyễn Chính Nghĩa - Vụ án Lã Kim Oanh		600.000.000
Phạm Tiến Bình - Vụ án Lã Thị Kim Oanh		1.705.004.000
Sở GDI - Ngân hàng PTVN (Cty TT cũ)	24.491.412.285	24.491.412.285
Thu bồi thường thiệt hại bán chứng khoán		170.000.000
Trung tâm PTCN Lâm sản	2.562.400	2.562.400
Trần Văn Hưng	1.356.975.000	1.356.975.000
Công ty CP Vật tư VINACAM	34.376.569.265	10.689.108.423
Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm	52.709.250	
Cán bộ công nhân viên	29.781.029	
Cục thẩm định và đánh giá tác động môi trường		69.000.000
Toàn án nhân dân quận Hai Bà Trưng	37.936.690	
Bảo hiểm xã hội	8.200.658	
Bảo hiểm y tế	747.047	
Bảo hiểm thất nghiệp	3.566.717	

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

Khách lẻ	88.966.741	133.386.712
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	144.631.879	144.631.879
Bảo hiểm xã hội	141.540.970	
Công ty CP DT&TM Phan Hoa	3.090.909	
Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	8.250.000	
Chi nhánh nhà máy phân bón Năm Sao	8.250.000	-
Cộng	119.690.572.153	50.410.465.474
16. Phải trả dài hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty (Nhận ký cược dài hạn)	759.964.774	1.539.964.774
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	400.000.000	400.000.000
Cộng	1.159.964.774	1.939.964.774

CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

7. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại TSCĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	186.756.377.109	-	-	-	32.160.785.084	5.585.281.068	423.245.591	224.925.688.852
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	1.661.144.427	1.661.144.427
Tăng khác	-	-	-	-	21.162.280	-	-	21.162.280
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	186.756.377.109	-	-	-	32.181.947.364	5.585.281.068	2.084.390.018	226.607.995.559
Số dư đầu năm nay	186.756.377.109	-	-	-	32.181.947.364	5.585.281.068	2.084.390.018	226.607.995.559
Tăng vốn trong năm nay (*)	-	-	-	-	-	-	(60.003.694.090)	(60.003.694.090)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	186.756.377.109	-	-	-	32.181.947.364	5.585.281.068	(57.919.304.072)	166.604.301.469

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn đầu tư của Nhà nước	186.756.377.109	186.756.377.109
Cộng	186.756.377.109	186.756.377.109
C. Các quỹ doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	32.181.947.364	32.181.947.364
Quỹ dự phòng tài chính	5.585.281.068	5.585.281.068
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)		
18. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	52.820.344.776	86.502.595.645
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecan	-	3.117.874.637
Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	-	965.566.667
Chi nhánh tại Tp Hải Phòng	-	18.962.608.785
Cộng	52.820.344.776	109.548.645.734
19. Các khoản giảm trừ doanh thu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-
20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	52.820.344.776	86.502.595.645
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecan	-	3.117.874.637
Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	-	965.566.667
Chi nhánh tại Tp Hải Phòng	-	18.962.608.785
Cộng	52.820.344.776	109.548.645.734
21. Giá vốn hàng bán	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	54.351.272.900	65.662.229.910
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecan	452.550.999	3.100.591.501
Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	-	963.569.036
Chi nhánh tại Tp Hải Phòng	-	18.943.133.329
Cộng	54.803.823.899	88.669.523.776

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

22. Doanh thu hoạt động tài chính	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Tổng công ty	129.021.901	6.176.594.237
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecan	172.300	272.721
Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	57.930	199.770
Chi nhánh tại Tp Hải Phòng	341.700	232.500
Cộng	129.593.831	6.177.299.228
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
23. Chi phí hoạt động tài chính	33.763.697.462	
Văn phòng Tổng công ty	30.988.834.061	6177299228
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecan	2.774.863.401	
- Chi phí lãi vay	756.115.103	542.010.898
Văn phòng Tổng công ty	756.115.103	536.183.501
CN Hải phòng	-	5.827.397
Cộng	33.763.697.462	6.177.299.228
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
24. Chi phí bán hàng		
Văn phòng Tổng công ty	24.742.589.251	17.776.668.491
Cộng	24.742.589.251	17.776.668.491
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
25. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Văn phòng Tổng công ty	2.619.412.645	5.630.410.622
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecan	1.889.513.277	73.058.114
Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	7.580.543	40.583.676
Chi nhánh tại Tp Hải Phòng	65.000	4.143.066
Cộng	4.516.571.465	5.748.195.478
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
26. Thu nhập khác		
Văn phòng Tổng công ty	14.408.983.107	1.745.175.822
Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecan	-	
Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh	-	
Cộng	14.408.983.107	1.745.175.822
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
27. Chi phí khác		
Văn phòng Tổng công ty	7.456.113.772	479.930.036

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

Công ty TNHH MTV ĐT TM & PT nguồn nhân lực Vigecam	2.079.819.456	145.294.553
Chi nhánh tại Hải Phòng	499	
Cộng	9.535.933.727	625.224.589

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Lợi nhuận trước thuế của văn phòng	(52.799.872.845)	5.841.336.734
Lợi nhuận của Vigecam Trading	(7.196.574.833)	(3.681.200.386)
Lợi nhuận của Chi nhánh tại tp Hồ Chí Minh	(7.522.613)	(38.386.275)
Lợi nhuận của Chi nhánh tại Hải Phòng	276.201	9.737.493
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)		
- Các khoản chi phí không được trừ		
Lợi nhuận tính thuế TNDN	(60.003.694.090)	2.131.487.566
Thuế suất thuế TNDN:	22%	22%
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	493.927.265
<i>trong đó:</i>		
- Thuế TNDN của văn phòng công ty		
- Thuế TNDN của Chi nhánh tại Hải Phòng	-	
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay.	-	
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	11.065.257

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính:

Quản lý rủi ro

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước của Tổng công ty (bao gồm vốn cấp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính

	31/12/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.251.939.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.150.800.108
Tài sản tài chính khác	151.661.690

Công cụ tài chính

Phải trả khách hàng và phải trả khác	132.806.071.273
Công nợ tài chính khác	1.159.964.774

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro tỷ giá theo sự điều tiết của Chính phủ, thực hiện các hướng dẫn về tỷ giá theo các văn bản hiện hành của Chính phủ, Bộ Tài chính.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Tổng Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm như Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho Tổng công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng trọng yếu đối với các khách hàng tồn tại cũ từ nhiệm kỳ Giám đốc trước.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tài sản đảm bảo:

Năm 2012, Tổng Công ty tiếp tục vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long để nhập khẩu phân bón. Các khoản vay mua hàng này được đảm bảo bằng chính lô hàng nhập. Chỉ trong trường hợp Tổng công ty vay vốn sử dụng không đúng mục đích thì phải có tài sản đảm bảo.

2. **Thông tin về các bên liên quan:** Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Tổng Công ty Vật tư nông nghiệp có 04 đơn vị phụ thuộc là:

- Văn phòng Tổng công ty có trụ sở tại 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Nguồn nhân lực Vigecam có trụ sở tại 16 Ngô Tất Tố - quận Đống Đa - Hà Nội;
- Chi nhánh Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại 166-168-170 Hải Thượng Lãn Ông - phường 10 - quận 5 - thành phố Hồ Chí Minh;

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

- Chi nhánh Tổng công ty tại thành phố Hải Phòng có trụ sở tại số 2 đường Hồng Bàng - phường Trại Chuối - thành phố Hải Phòng;

Các đơn vị phụ thuộc đều có Báo cáo tài chính được kiểm toán phát hành riêng.

2.1 Giao dịch phát sinh với Công ty mẹ và các Công ty con trong cùng hệ thống**Năm nay****- Bán hàng hóa, dịch vụ**

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại Hải Phòng

2.2 Công nợ với Công ty mẹ và các Công ty con trong cùng hệ thống**Số cuối năm***** Các khoản phải thu****38.040.362.132**

Công ty TNHH MTV Nguồn nhân lực Vigecam

37.647.149.483

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

73.017.637

Chi nhánh tại Hải Phòng

320.195.012

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo, Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tiếp theo.

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Tổng công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Tổng công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

7. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	36,97%	36,50%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	63,03%	63,50%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	59,65%	46,17%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	40,35%	53,83%
2 Khả năng thanh toán		-
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,68	2,17

TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 164 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 04 37474709 - Fax: 04 39352765

2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,06	1,39
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,26	0,01
3 Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-113,60%	1,95%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-113,60%	1,94%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-14,53%	0,51%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-14,53%	0,50%

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trìu

Nguyễn Ngọc Anh

Nguyễn Trường Thắng

